
Chuyển đổi Công bằng sang
Khử Cacbon ở khu vực Châu Á -
Thái Bình Dương

ClimateScapes ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

*Khám phá những cơ hội, thách thức và sự
đánh đổi đối với chuyển đổi công bằng cho
việc khử cacbon*

Tháng 2 năm 2023

Peter Howson
Rini Astuti
Oliver Hensengerth
Sara Kindon

Giới thiệu về các tác giả

Tiến sĩ Peter Howson là Giảng viên Cao cấp tại Khoa Địa lý và Khoa học Môi trường tại Đại học Northumbria. Tiến sĩ Rini Astuti là Nhà nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Úc. Tiến sĩ Oliver Hensengerth là Phó Giáo sư tại Khoa Địa lý và Khoa học Môi trường tại Đại học Northumbria. Giáo sư Sara Kindon là Giáo sư của Trường Địa lý, Môi trường và Khoa học Trái đất tại Victoria University of Wellington.

Giới thiệu về Chuyển đổi Công bằng sang Khử cacbon ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Hợp tác với nhiều nhóm từ UK Science & Innovation Network, chương trình xem cách chuyển đổi công bằng đồng thời giải quyết biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học là chìa khóa để hỗ trợ toàn diện các nền kinh tế và xã hội trong tương lai. Thông qua chương trình, Viện Hàn lâm đã tài trợ cho bảy dự án nghiên cứu nhằm tìm ra các hành động cần thiết ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học, để xác định các cơ hội khử cacbon cho các nền kinh tế và xã hội, đồng thời đề xuất các lựa chọn và đường lối cho cộng đồng, người lao động, doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách và công chúng ở phạm vi rộng hơn. Chương trình được tài trợ bởi Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng và Công nghiệp của Vương quốc Anh.

Nội dung

Tóm tắt đề án	4
Giới thiệu	5
Cảnh quan rừng	9
Cảnh quan đại dương	14
Cảnh quan sông	17
Kết luận	19
Tài liệu tham khảo	21
Giới thiệu về Viện Hàn lâm	22

Tóm tắt đề án

Mục đích của báo cáo này là nhằm cung cấp bối cảnh nền tảng cho các chiến lược khử cacbon trên toàn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Bằng việc xem xét các chính sách hiện có và lợi ích của các bên liên quan đồng thời xem xét kỹ các nghiên cứu điển hình cụ thể, chúng tôi đưa ra các khuyến nghị để thúc đẩy sự bền vững của việc chuyển đổi công bằng. Chúng tôi cũng nêu bật những thách thức và sự đánh đổi trong việc thực hiện các mục tiêu khử cacbon trong khu vực. Chúng tôi áp dụng cách tiếp cận đa cảnh quan và sinh thái chính trị khu vực để xem xét các thách thức xã hội, chính trị và kinh tế giao thoa đối với quá trình khử cacbon trong các gói công việc được kết nối với nhau, bao gồm: 1) Cảnh quan sông, 2) Cảnh quan rừng và 3) Cảnh quan đại dương.

Nghiên cứu sinh thái chính trị nữ quyền và các phương pháp dân tộc học theo từng trường hợp cụ thể của chúng tôi thách thức các tường thuật về địa chính trị chi phối trong các cam kết khu vực về khử cacbon và các ý tưởng về chuyển đổi công bằng. Những dữ liệu thực nghiệm của chúng tôi dựa trên sự kết hợp của các phương pháp định tính, dân tộc học, đưa các nhóm nghiên cứu vào bên trong nhà, nhà bếp, cánh đồng, trang trại và tàu đánh bắt cá của những người tham gia. Từ các vị trí thuận lợi này, chúng tôi có thể quan sát phạm vi hiệu quả hành động của phụ nữ và nam giới trong mối quan hệ với nhau, với gia đình và hàng xóm của họ, khi họ sử dụng nhiều công cụ và trung gian khác nhau. Chúng tôi cũng có thể tập trung vào các mối quan hệ thân thiết có thể bị bỏ qua và đặt ra các câu hỏi có thể thường không được chú ý tới.

Mặc dù đã thực hiện nhiều nỗ lực được đề cập để hiểu được các tác động xã hội sinh thái của việc chuyển đổi năng lượng sạch trong khu vực, chúng tôi hiểu rằng việc khử cacbon bao gồm cả các biện pháp kỹ thuật và chính trị để giảm thiểu phát thải khí nhà kính do con người gây ra. Các biện pháp đó bao gồm các phương pháp tiếp cận dựa trên thị trường, dựa trên hiệu suất và dựa vào cộng đồng. Bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận đa cảnh quan, chúng tôi đã hiểu rằng chi phí có thể chấp nhận được và lợi ích của quá trình khử cacbon đối với những người sống phụ thuộc vào các cảnh quan này. Các chi phí và lợi ích này nên như thế nào và dành cho ai? Làm thế nào để các chính sách khử cacbon có thể nêu lên những yêu cầu về tri thức thay thế và tiến hành phi thực dân hóa? Làm cách nào các sáng kiến như vậy có thể xây dựng năng lực và khả năng thích ứng, giảm nhẹ và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của địa phương? Việc ứng phó với các vấn đề về công bằng xã hội và môi trường này là việc làm không thể thiếu để phát triển các giải pháp đồng thời nhằm giải quyết sự khủng hoảng về khí hậu, mất đa dạng sinh học và bất bình đẳng ngày càng tăng.

Giới thiệu

Không ở đâu các động lực và tác động của việc biến đổi khí hậu lại được cảm nhận một cách sâu sắc như ở Châu Á - Thái Bình Dương. Dân số lớn nhất thế giới. Khu vực phát triển nhanh nhất của nền kinh tế toàn cầu. Hai trong số ba quốc gia phát thải ra lượng khí cacbon dioxide lớn nhất thế giới. Tỷ lệ phát thải lớn nhất trên toàn cầu. Khu vực này có một số quốc gia ở vùng trung nhất, dễ bị tổn thương nhất và chịu nhiều hiện tượng thời tiết khắc nghiệt nhất. Châu Á - Thái Bình Dương cũng có một lượng dân số trẻ nhất và nhiều nhà lãnh đạo toàn cầu về công nghệ xanh. Việc chuyển đổi thành công khử cacbon ở khu vực này sẽ làm thay đổi quá trình của cuộc khủng hoảng khí hậu. Thất bại sẽ gây ra hiệu ứng domino toàn cầu (Quý Tiên tộ Quốc tế, 2021).

Việc khử cacbon nhanh chóng của nền kinh tế khu vực với sự công bằng sẽ mang lại lợi ích vô hạn cho các thế hệ hiện tại và tương lai. Nhiệm vụ cấp bách để giải quyết sự biến đổi khí hậu cũng là nền tảng của nguyên tắc phát triển bền vững, được Ủy ban Brundtland (1984: 43) xác định là “phát triển để đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng tự đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.” Trái ngược với nguyên tắc này, phương pháp tiếp cận khử cacbon nhằm trì hoãn hành động về khí hậu hiệu quả đối với những khu vực nghèo nhất và/hoặc về tương lai, ví dụ như sử dụng các chỉ tiêu để giảm phát thải trong tương lai và những phát triển về công nghệ xanh chưa được kiểm chứng, gây rủi ro một cách không cân xứng cho khả năng tự đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Nó cũng ngăn cản sự phát triển bền vững của các nước nghèo nhất.

Chuyển đổi công bằng sang khử cacbon

Các tổ chức lao động và công bằng môi trường đã cung cấp một số công cụ và lý thuyết có thể áp dụng để giúp đảm bảo sự công bằng trong chi phí và lợi ích từ các hoạt động can thiệp xanh trong khu vực. Nhưng việc chuyển đổi sang khử cacbon trên khắp các nền kinh tế ở Châu Á - Thái Bình Dương sẽ tạo ra những sự đánh đổi. Sẽ có người thắng kẻ thua vì các chi phí và lợi ích liên quan sẽ giảm không đồng đều ở các cộng đồng khác nhau, cả trong hiện tại và tương lai. Hệ quả liên quan giữa các thế hệ của các chương trình khử cacbon phải nói là rất lớn. Ví dụ như những thay đổi đột ngột đối với lĩnh vực năng lượng của Vương quốc Anh và Mỹ đã để lại những vết sẹo lâu dài trong các cộng đồng buộc phải lao vào sinh kế không an toàn.

Khi buộc phải khử cacbon trong khu vực, thiệt hại ngoài ý muốn này đã làm dậy lên những lời kêu gọi “chuyển đổi công bằng”. Mặc dù thuật ngữ này ngày càng phổ biến trong các cuộc đàm luận của công chúng, nhưng nó vẫn được định nghĩa rất khác nhau. Tại Kỳ họp thứ 102 (2013), Hội thảo Lao động Quốc tế đã thông qua nghị quyết và một loạt các kết luận liên quan đến phát triển bền vững, việc làm ổn định và việc làm xanh, đưa ra khung chính sách cho sự “chuyển đổi công bằng”. Đối với các nền kinh tế công nghiệp/hậu công nghiệp, khái niệm chuyển đổi công bằng dựa vào lao động vừa hợp lý vừa thiết yếu trong bối cảnh phân cực chính trị sâu sắc và các mối căng thẳng giữa “việc làm và môi trường” hiện nay. Theo ILO, việc chuyển đổi công bằng chỉ có thể được thực hiện thông qua bốn nội dung chính của Chương trình Nghị sự về Việc làm Ổn định. Các nội dung này bao gồm: 1) đối thoại xã hội, 2) bảo trợ xã hội, 3) các quyền tại nơi làm việc và 4) việc làm. Họ cho rằng các nội dung chính này là nền tảng không thể thiếu của sự phát triển bền vững và phải là trung tâm của các chính sách để tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ, bền vững và

bao trùm. Nhưng các chuyển đổi công bằng này không bao giờ có thể phù hợp với tất cả các đối tượng.

Không thể phù hợp với tất cả các đối tượng

Báo cáo này tập hợp các nghiên cứu từ ba chương trình hợp tác quốc tế nhằm khám phá các chuyển đổi sang công bằng xã hội và môi trường nhằm giảm thiểu, thích ứng và chống chịu với sự biến đổi khí hậu trên khắp Châu Á Thái Bình Dương. Các dự án này bao gồm:

- 1) Living Deltas - Dự án do UKRI tài trợ nhằm khám phá tương lai bền vững của vùng đồng bằng ở Nam và Đông Nam Á,
- 2) Dự án của Quỹ Marsden của Hiệp hội Hoàng gia New Zealand khám phá hệ sinh thái chính trị của việc bảo vệ rừng ở Châu Á - Thái Bình Dương, và
- 3) Dự án được hỗ trợ bởi Diễn đàn Bảo tồn Lãnh thổ Hải ngoại của Vương quốc Anh (UKOTCF), khám phá hệ sinh thái chính trị của các Khu Bảo tồn Biển lớn ở Thái Bình Dương.

Thông qua các mạng lưới quan hệ đối tác khu vực, chúng tôi đã tham gia vào một danh mục lớn các sáng kiến về biến đổi khí hậu và khử cacbon dựa vào tự nhiên đang diễn ra ở các quốc gia trên khắp Châu Á - Thái Bình Dương. Chúng tôi đã áp dụng cách tiếp cận đa cảnh quan và sinh thái chính trị khu vực để xem xét các thách thức về xã hội, chính trị và kinh tế giao thoa đối với quá trình khử cacbon trong các gói công việc được kết nối với nhau, bao gồm: 1) Cảnh quan sông, 2) Cảnh quan rừng và 3) Cảnh quan đại dương. Khi làm như vậy, chúng tôi đặt ra mục tiêu giải quyết ba câu hỏi sau:

- 1) Làm thế nào để giới trẻ hiểu về “chuyển đổi công bằng”, tức là họ phải đánh đổi những gì, họ sẵn sàng hy sinh những gì và họ mong đợi điều gì từ các nhà hoạch định chính sách để đảm bảo tương lai bền vững?
- 2) Làm thế nào để những giới trẻ tham gia vào việc thay đổi môi trường và làm thế nào để họ hiểu và định hình các mối đe dọa đang phát sinh đối với sinh kế của họ?
- 3) Giới trẻ hành động như thế nào để thích ứng và giảm nhẹ ảnh hưởng của việc biến đổi khí hậu?

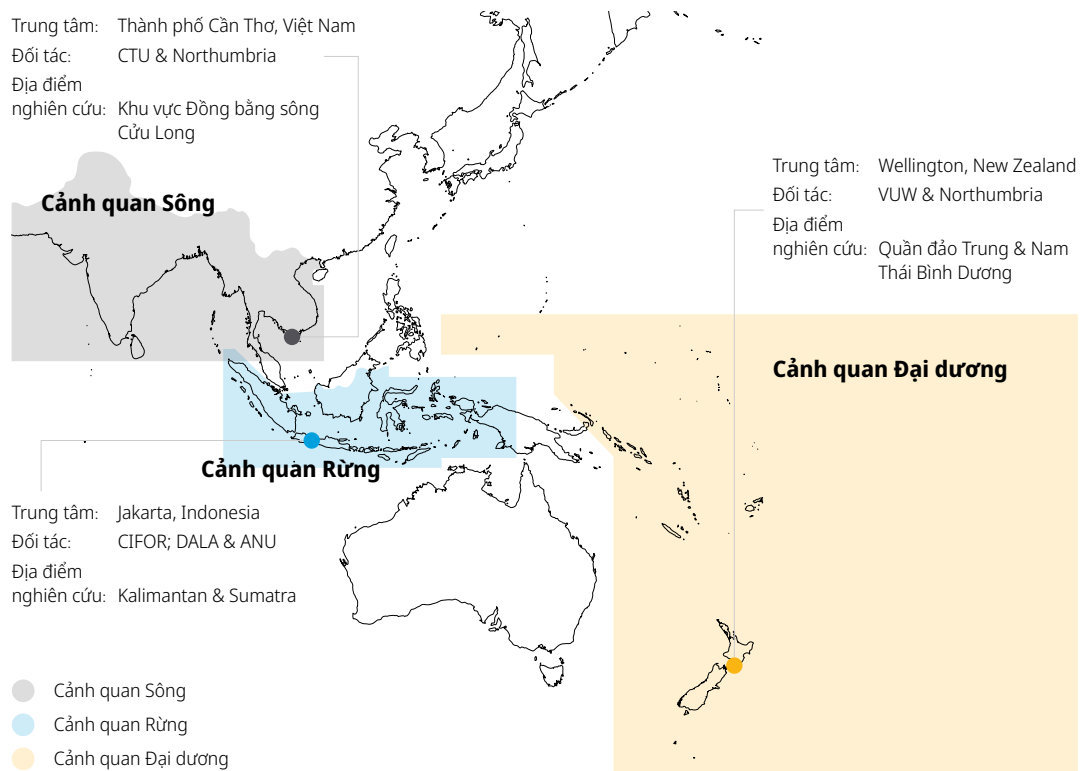
Bằng việc sử dụng công cụ phân tích văn bản, phỏng vấn và nghiên cứu hành động có sự tham gia của các bên liên quan, chúng tôi khám phá vai trò của giới trẻ trong việc hình dung và lập biểu đồ tương lai cho cuộc sống ở các vùng ven biển, các đồng bằng sông lớn và các khu rừng nhiệt đới trong thời kỳ môi trường thay đổi nhanh chóng.

Cách tiếp cận cảnh quan

Mặc dù đã thực hiện nhiều nỗ lực được đề cập để hiểu được các tác động xã hội sinh thái của việc chuyển đổi năng lượng sạch trong khu vực, chúng tôi hiểu rằng việc khử cacbon bao gồm cả các biện pháp kỹ thuật và chính trị để giảm thiểu phát thải khí nhà kính do con người gây ra. Các biện pháp đó bao gồm các phương pháp tiếp cận dựa trên thị trường, dựa trên hiệu suất và dựa vào cộng đồng. Bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận đa cảnh quan, chúng tôi nỗ lực để tìm hiểu chi phí có thể

chấp nhận được và lợi ích của quá trình khử cacbon đối với những người sống phụ thuộc vào các cảnh quan này. Các chi phí và lợi ích này nên như thế nào và dành cho ai? Làm thế nào để các chính sách khử cacbon có thể nêu lên những yêu cầu về tri thức thay thế và tiến hành phi thực dân hóa? Làm cách nào các sáng kiến như vậy có thể xây dựng năng lực và khả năng thích ứng, giảm nhẹ và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của địa phương? Việc ứng phó với các vấn đề về công bằng xã hội và môi trường này là việc làm không thể thiếu để phát triển các giải pháp đồng thời nhằm giải quyết sự khủng hoảng về khí hậu, mất đa dạng sinh học và bất bình đẳng ngày càng tăng.

Hình 1: ClimateScapes (Cảnh quan Khí hậu) tại Châu Á - Thái Bình Dương



Các cảnh quan đại dương, cảnh quan sông và cảnh quan rừng được khám phá thông qua báo cáo này rút ra từ bằng chứng thu thập được trên khắp khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đảm bảo mỗi khám phá về cảnh quan đều tập trung vào khu vực nhưng được kết nối với các trung tâm chính sách và nghiên cứu của địa phương. Các nước này bao gồm Việt Nam, Indonesia và New Zealand.

Để thách thức các tường thuật về địa chính trị chi phối xoay quanh các cam kết khu vực về khử cacbon, chúng tôi sử dụng cách tiếp cận dân tộc học theo từng trường hợp cụ thể và sinh thái chính trị nữ quyền. Việc sử dụng kết hợp các phương pháp định tính, dân tộc học, dữ liệu thực nghiệm của chúng tôi lấy từ nhà, nhà bếp, cánh đồng, trang trại và tàu đánh bắt cá của những người tham gia. Từ các vị trí này, chúng tôi quan sát hiệu quả hành động của phụ nữ và nam giới trong mối quan hệ với nhau, với gia đình và hàng xóm của họ, khi họ sử dụng nhiều công cụ và trung gian khác nhau. Chúng tôi tập trung vào các mối quan hệ thân thiết có thể bị bỏ qua và đặt ra các câu hỏi có thể thường không được chú ý tới.

Cấu trúc của báo cáo tóm tắt

Phần còn lại của báo cáo tóm tắt này được sắp xếp thành ba phần chuyên đề, mỗi phần khám phá một bối cảnh riêng biệt nhưng có liên quan đến nhau, qua đó khám phá các phương pháp tiếp cận khử cacbon theo khu vực. Các phần của ClimateScape này có 4 mục tiêu: 1) cung cấp bối cảnh nền tảng dành cho các chiến lược khử cacbon trong cảnh quan đã xác định, 2) đánh giá các lĩnh vực chính sách hiện tại và đang được xây dựng, ở những nơi có sự chuyển đổi sang tính bền vững đang diễn ra, 3) xác định các bên liên quan chính trong khi tập trung vào các ví dụ nghiên cứu điển hình. Các ví dụ này làm nền tảng cho các mục tiêu chính sách khu vực trù tượng trong bối cảnh địa phương. Và 4) đề xuất các khuyến nghị về chuyển đổi công bằng để khử cacbon. Báo cáo kết thúc bằng một bản tổng hợp ngắn gọn về các khuyến nghị này, cũng như nêu bật các lĩnh vực cần nghiên cứu thêm.

Cảnh quan rừng

Khi các nền kinh tế mới nổi trong khu vực Đông Nam Á tăng trưởng, chất lượng môi trường bị giảm sút do tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức (Nathaniel, 2021). Các hoạt động kinh tế tập trung chuyên sâu tạo ra ngoại ứng môi trường dưới dạng ô nhiễm và phát thải cacbon với các tác động xuyên biên giới tương ứng, ví dụ như khói mù ở Malaysia, Singapore và Indonesia trong khu vực Đông Nam Á (Khan, 2019). Mặc dù tất cả các quốc gia trong khu vực đều phải chịu các mối đe dọa về môi trường như nhau từ các lĩnh vực sử dụng nhiều cacbon, song tác động môi trường của các quốc gia đó sẽ có sự phân bố không đồng đều theo tình hình địa lý và kinh tế xã hội của quốc gia đó (Mendelsohn và cộng sự, 2006). Ở cấp độ cộng đồng, nó sẽ có tác động khác nhau đến người có các biện pháp thích ứng với những thay đổi của môi trường so với người không có các cơ quan để thực hiện việc đó.

Đông Nam Á là khu vực chiếm 15% diện tích rừng nhiệt đới của thế giới, nhưng lại có tỷ lệ phá rừng cao nhất trong số các vùng nhiệt đới. Kinh doanh nông nghiệp và việc mở rộng các khu dân cư là nguyên nhân hàng đầu gây ra nạn phá rừng trong khu vực, góp phần tạo ra lượng khí thải cacbon, trong đó Indonesia có 62% diện tích rừng bị mất, tiếp theo là Malaysia (17%), Myanmar (5%) và Campuchia (5%). Đông Nam Á cũng là khu vực chiếm khoảng 14% lượng cacbon than bùn của thế giới, phần lớn nằm ở Indonesia (65%) và Malaysia (10%).

Ở Indonesia, thiệt hại sinh thái do mở rộng kinh doanh nông nghiệp đã khiến nhiều khu rừng ở biên giới bị suy thoái và bị đốt cháy nghiêm trọng (Astuti, 2021). Đây là nguyên nhân hàng đầu gây ra tình trạng khói mù xuyên biên giới và lượng khí thải cacbon ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở Indonesia (Miller và cộng sự, 2021). Các công ty công nghiệp không phải là tác nhân chính duy nhất, mà ngay cả những nông dân địa phương cũng ngày càng trở thành nguyên nhân gây ra những áp lực này.

Các nhà sản xuất quy mô nhỏ hiện chiếm 40% sản lượng hàng hóa dầu cọ của Indonesia và góp một phần đáng kể vào các tác động môi trường từ lĩnh vực đó. Việc thương mại hóa nông nghiệp đã mở ra cơ hội cho các hộ gia đình trẻ ở nông thôn tham gia vào canh tác các loại cây trồng đang phát triển bùng nổ và canh tác thâm canh đơn canh như cọ lấy dầu (Howson 2017; Howson & Kindon, 2015). Quá trình chuyển đổi nông nghiệp này đã thay đổi mô hình tiếp cận và sở hữu đất đai ở các vùng nông thôn. Trong khi một số nông dân trẻ có thể cải thiện sinh kế và tích tụ đất đai, những người khác lại rơi vào cảnh nghèo đói và không có đất (Li, 2014). Những rào cản được nhà nước hậu thuẫn và các giao dịch đất đai tư nhân quy mô lớn đã làm giảm khả năng giao đất lâm nghiệp ở các vùng nông thôn (Barney & Van Der Meer Simo, 2019). Tìm người thuê đất và thu hút giới thượng lưu trong lĩnh vực sử dụng nhiều cacbon cũng làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa những người giàu nhất và những người nghèo nhất. Lợi nhuận tích lũy từ các ngành công nghiệp khai thác tăng trưởng không tương xứng với tác động kinh tế xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống của những người trẻ tuổi nghèo nhất ở Indonesia (Oxfam, 2017). Ví dụ, tổng tài sản của 4 người đàn ông giàu nhất Indonesia là 25 tỷ USD, và con số này nhiều hơn tổng tài sản của 100 triệu người nghèo nhất (Oxfam, 2017).

Chúng tôi đã thực hiện ba nghiên cứu điển hình ở 1) Tỉnh Jambi, 2) Quần đảo Mentawai, và 3) Tỉnh Trung Kalimantan, Indonesia (Hình 1). Chúng tôi đã phỏng vấn các nông dân trẻ và các nhà hoạt động thanh niên để hiểu được nguyện vọng tương lai của họ liên quan đến an ninh sinh kế và khử cacbon ở Indonesia.

Hình 2: Vị trí của ba nghiên cứu điển hình về Cảnh quan rừng



Dựa trên những phát hiện từ nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất các khuyến nghị sau đây nhằm đạt được sự chuyển đổi công bằng sang khử cacbon trong lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp:

- **Ưu tiên các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đạt được quyền sở hữu đất công bằng và an toàn cho rừng và cộng đồng bản địa**

Chính phủ Indonesia đã bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến quyền của cộng đồng đối với rừng và đất than bùn thông qua chương trình lâm nghiệp xã hội. Chương trình mở ra 12,7 triệu hecta diện tích rừng cho cộng đồng tiếp cận và nhằm giải quyết tình trạng bất công về quyền sử dụng đất. Các chính sách của quốc gia trong các chương trình sáng kiến giảm thiểu biến đổi khí hậu, ví dụ như trong chương trình Giảm Phát thải do Mất Rừng và Suy thoái Rừng (REDD+), cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của an toàn sở hữu đất đối với việc thực hiện thành công các sáng kiến khử cacbon.

- **Thúc đẩy sự tham gia thực sự của khu vực tư nhân vào chương trình sáng kiến khử cacbon**

Tất cả các tổ chức tư nhân làm việc trong lĩnh vực đất đai và lâm nghiệp đều đóng vai trò rất quan trọng đối với việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Với quyền hạn và cơ sở hạ tầng, họ có thể đóng vai trò hỗ trợ và chỉ đạo quan trọng trong việc theo dõi quá trình chuyển đổi nhằm giảm các dạng cacbon của rừng và các ngành nông nghiệp. Khu vực tư nhân có thể phát triển việc thiết kế và cung cấp nhiều dịch vụ giảm thiểu biến đổi và thích ứng với khí hậu đồng thời thực sự tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội cũng như các công cụ khác. Ngay cả khu vực tư nhân cũng phải đóng vai trò lớn hơn trong việc tài trợ vốn cho hoạt động thích ứng và giảm biến đổi khí hậu (Ngân hàng Thế giới, 2020). Về mặt chính sách, khu vực tư nhân cần có một khung chính sách

hỗ trợ đầu tư mạnh mẽ, được cung cấp bởi các chính sách và ưu đãi, mang lại những tín hiệu tích cực cho các nhà đầu tư. Việc triển khai các công cụ và cơ chế đã được chứng minh, ví dụ như các biện pháp bảo vệ xã hội và môi trường hoặc FPIC, có thể giúp khu vực tư nhân giảm chi phí vốn và rủi ro trong đầu tư.

- **Huy động nguồn lực và tài chính cho một sáng kiến chuyển đổi công bằng thành công**

Đa số các bên liên quan đến chính sách đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc huy động nguồn lực để hỗ trợ quá trình khử cacbon trong lĩnh vực lâm nghiệp và biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, chúng tôi không đồng tình với quan điểm cho rằng chính phủ quốc gia chỉ có thể dẫn dắt việc chuyển đổi một cách có hệ thống sang nền kinh tế xanh thông qua thị trường. Thay vào đó, chúng tôi kêu gọi các nước phát triển cam kết tài trợ nghiêm túc để tạo điều kiện cho các nước kém phát triển nhất đạt được sự chuyển đổi công bằng trong lĩnh vực lâm nghiệp và nông nghiệp.

- **Bảo vệ và phục hồi đất than bùn để khử cacbon trong ngành lâm nghiệp ở Indonesia**

Indonesia có hơn 15 triệu hecta đất than bùn. Đất than bùn là một lớp vật liệu thực vật bị phân hủy có đặc điểm chua và ít dinh dưỡng, vẫn bị úng nước ở trạng thái tự nhiên. Đất than bùn là loại đất giàu cacbon và ở Indonesia chủ yếu người ta sử dụng loại đất này cho các trang trại độc canh quy mô lớn. Việc sử dụng đất than bùn được bắt đầu từ giai đoạn nó là vùng đất trống bỏ không mà các đầm lầy giàu cacbon được liên kết với đất ít sử dụng và phi sản xuất. Hàng triệu hecta đất than bùn đã được chuyển đổi thành trang trại nông nghiệp trong khi bỏ qua các quyền của cộng đồng bản địa và địa phương. Trong 30 năm qua, 11 triệu hecta đất than bùn đã được chuyển đổi sang trồng cây dầu cọ. Việc này đã dẫn đến những xung đột về quyền sở hữu đất lâu dài và sâu sắc giữa các cộng đồng và những người được nhượng quyền hoặc giữa các cộng đồng với chính quyền địa phương và quốc gia.

- **Hỗ trợ ngành thủy sản nội địa quy mô nhỏ để bảo vệ rừng ngập mặn**

Là một quần đảo, Indonesia gợi lên những hình ảnh về một quốc gia hàng hải phát triển mạnh nhờ có rất nhiều hòn đảo, nơi có cộng đồng ngư dân đa dạng và truyền thống có từ nhiều thế kỷ trên tất cả các đường bờ biển và rải rác với những ngôi làng nơi cộng đồng kết hợp các hoạt động nông nghiệp và đánh bắt cá. Sở hữu một trong những đường bờ biển dài nhất thế giới, Indonesia đáng lẽ phải là quốc gia dẫn đầu ngành cá và quản lý môi trường. Đáng ngạc nhiên là thủy sản lại là một trong những ngành kinh tế phi năng lượng chính (ADB, 2020) thường bị bỏ qua trong cuộc thảo luận về thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Trong khi đó, biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành khai thác thủy sản đánh bắt ngoài khơi và nước ngọt, cả về mặt vật lý và sinh học. Mực nước biển dâng cao, axit hóa đại dương và thay đổi về lượng mưa, mực nước ngầm và dòng chảy của sông đã tác động đáng kể đến các rạn san hô, đất ngập nước, sông, hồ, rừng ngập mặn và cửa sông. Việc này đòi hỏi các biện pháp thích ứng để khai thác các cơ hội và giảm thiểu tác động đến nghề cá và hệ nuôi trồng thủy sản. Luật quản lý hệ sinh thái ven biển và các đảo nhỏ (số 1/2014 và 27/2007) nhằm bảo vệ ngành thủy sản nhưng câu hỏi phải làm thế nào vẫn còn tồn tại.

- **Cải thiện việc quản lý các khu bảo tồn để khử cacbon**

Các khu bảo tồn đã được thiết kế trên toàn cầu như một công cụ quan trọng để tìm kiếm sự phát triển bền vững và chống lại biến đổi khí hậu. Hoạt động ở cấp độ cảnh quan, công viên quốc gia hoặc khu bảo tồn động vật hoang dã không chỉ mang lại sự bảo tồn đa dạng sinh học mà còn cung cấp các dịch vụ sinh thái, xã hội, văn hóa và kinh tế thiết yếu. Ở nhiều nơi, các khu bảo tồn thậm chí là nơi duy nhất mà con người có thể tìm thấy nơi trú ẩn khi có sự kiện thảm họa. Indonesia đã tạo ra một cách ẩn tượng hơn 36 triệu hecta các khu bảo tồn trên biển và trên đất liền. Hầu hết các khu bảo tồn được quản lý tốt và vẫn là nơi bảo tồn của các hệ sinh thái tự nhiên trên cả nước. Sự hiện diện của thảm thực vật tự nhiên, đất và các loài sinh vật biển quan trọng như cỏ biển và rừng ngập mặn trong các khu bảo tồn đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu biến đổi khí hậu, ngăn ngừa sự thất thoát cacbon và hấp thụ cacbon dioxide từ khí quyển. Các khu bảo tồn còn cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái thiết yếu không chỉ cho động vật và thực vật mà còn cả các cộng đồng bên ngoài biên giới.

- **Truyền tải thông điệp hiệu quả và đơn giản đến và từ giới trẻ**

Để thực hiện có hiệu quả, việc truyền đạt các chủ đề liên quan đến khử cacbon và biến đổi khí hậu cho cộng đồng và giới trẻ cần phải được thực hiện theo cách và ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được. Do công nghệ thông tin đang đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của giới trẻ nên mạng xã hội và những người trẻ có tầm ảnh hưởng cũng là những phần quan trọng trong những cuộc thảo luận về khí hậu. Những người trẻ có tầm ảnh hưởng thiết kế nội dung truyền thông xã hội của họ bằng những từ đơn giản, quen thuộc, sử dụng ngữ cảnh địa phương và đôi khi cả ngôn ngữ địa phương. Để đưa ra một thông điệp hấp dẫn và có thể tiếp cận những người theo dõi, những người có ảnh hưởng rút ra mối liên hệ giữa các vấn đề biến đổi khí hậu và lối sống của giới trẻ. Ví dụ như việc truyền tải thông điệp về khí hậu thông qua cà phê (giới trẻ Indonesia hiện đang dành nhiều thời gian trong quán cà phê) đã chứng tỏ hấp dẫn hơn và nhận được nhiều sự chú ý từ giới trẻ vì họ có thể kết nối cuộc khủng hoảng khí hậu với cà phê mà họ uống. Rác thải nhựa, kinh tế xanh, việc làm xanh và chính sách bảo vệ môi trường nằm trong топ đầu những nội dung mạng xã hội thu hút nhiều nhất sự quan tâm của giới trẻ. Tuy nhiên, giới trẻ lại ít tham gia vào nội dung truyền thông xã hội nói về người bản địa. Vì vậy, việc nâng cao sự chú ý của giới trẻ đối với vấn đề tại địa phương là rất quan trọng.

- **Xóa bỏ các rào cản quan liêu để tăng cường sự tham gia của giới trẻ vào quá trình khử cacbon**

Phần lớn các chương trình liên quan đến khí hậu dành cho giới trẻ của chính phủ không được thiết kế phù hợp và không thích ứng với sự năng động của các thế hệ trẻ. Bộ máy hành chính quan liêu, văn hóa hình thức và thiếu minh bạch làm giảm mức độ sẵn sàng của các tổ chức và cá nhân thanh niên tham gia vào chương trình của chính phủ về biến đổi khí hậu. Văn hóa quan liêu minh họa cho các mối quan hệ và hành vi kiểu gia trưởng được tạo ra bởi những người lớn nắm giữ quyền lực và thế hệ trẻ. Loại bỏ các rào cản quan liêu và hỗ trợ đầy đủ các hoạt động của giới trẻ sẽ tăng cường sự tham gia của họ vào các chương trình sáng kiến khử cacbon.

Ở Thái Lan và Indonesia, các tổ chức thanh niên trong các vấn đề môi trường đã phải chịu áp lực chính trị từ các cơ quan chính phủ. Các cơ quan chức năng của chính phủ đã giám sát chặt chẽ và ngày càng gây áp lực đối với các tổ chức thanh niên, đặc biệt là các tổ chức hoạt động về các vấn đề môi trường chỉ trích các chương trình nghị sự về phát triển của chính phủ (Wardhana 2021). Áp lực

chỉ ra rằng giới trẻ không được coi là những bên liên đới quan trọng thể hiện tiếng nói của họ về một vấn đề chính trị quan trọng. Điều đó cũng cho thấy sự lãng quên vai trò chính trị của thanh niên về việc có quan điểm xanh và có lập trường thực sự trong việc giữ gìn môi trường. Việc thực hiện áp lực chính trị và quan liêu trong một chương trình hạn chế và ngắn hạn do nhà nước bảo trợ liên quan đến các thể hệ thanh niên có thể được coi là một chiến lược chính trị nhằm kìm hãm và chuyển hướng khát vọng chính trị của thanh niên theo cách ngăn chặn sự vận động chính trị chân chính. Do đó, chúng tôi đề nghị các cơ quan chính phủ hợp tác với các nhà hoạt động thanh niên và cho phép họ định hình các quy trình hoạch định chính sách, đặc biệt là đối với các vấn đề quan trọng đối với họ.

- **Đưa vào xu hướng bình đẳng giới để hỗ trợ phụ nữ trẻ**

Ở Indonesia, có một quy tắc xã hội bất thành văn là mong muốn giới trẻ chịu khó quan sát và vâng lời người lớn hơn là trở thành những tác nhân thay đổi bình đẳng. Ngoài ra, những định kiến về giới góp phần khiến phụ nữ trẻ gặp bất lợi trong việc tích cực tham gia và tiếp cận với các sáng kiến khử cacbon. Ví dụ, trong nghiên cứu điển hình của chúng tôi, một số phụ nữ trẻ người Dayak cho biết rằng họ nhận được những lời nhận xét không có lợi từ người lớn về cách họ nên ở nhà để bảo vệ làn da của mình không bị đen hơn vì họ đang giúp các hoạt động trồng rừng dưới cái nắng gay gắt (phụ nữ có làn da trắng được cho là hấp dẫn hơn da sẫm màu). Các loại chuẩn mực văn hóa xã hội thiên lệch này (ví dụ như giới trẻ là những người hành động vô trách nhiệm và những định kiến làm nản chí phụ nữ trẻ) có thể ngăn cản sự tham gia chân chính của họ cũng như làm giảm sự ham học hỏi và năng lượng sáng tạo của họ.

- **Giải quyết sự bất bình đẳng và nghèo đói để hỗ trợ sự tham gia của giới trẻ trong việc phát triển các chiến lược thích ứng và giảm thiểu**

Sự bất bình đẳng về kinh tế xã hội và hệ quả của nó chính là tình trạng nghèo đói là thách thức chính đối với giới trẻ trên toàn khu vực Đông Nam Á khi họ phát triển các sáng kiến thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Trong hai thập kỷ qua, các quốc gia ở Đông Nam Á đã giảm được tình trạng nghèo cùng cực nhưng chưa thu hẹp được khoảng cách giữa những công dân giàu nhất và những người còn lại của đất nước mình. Nghiên cứu quan trọng cho thấy rõ ràng rằng các khu vực nghèo và người dân bị ảnh hưởng nhiều hơn so với khu vực thịnh vượng và người giàu. Đặc biệt là ở các vùng biên giới và kém phát triển, những người trẻ sống ở nơi giàu tài nguyên nhưng hạn chế về khả năng tiếp cận chính trị và kinh tế, có nhiều khả năng bị tổn hại do quá trình phát triển thâm dụng cacbon quy mô lớn và các vấn đề về kinh tế (khai thác mỏ, khai thác gỗ, đồn điền) và môi trường phát sinh như lũ lụt, hạn hán và dịch bệnh nhiệt đới. Họ có thể có khả năng phục hồi về thể chất mạnh mẽ hơn, nhưng xét về mặt tâm lý, họ là bên bị ảnh hưởng nhiều nhất do cảm thấy chán nản vì thiếu vốn kinh tế và xã hội. Ở thành thị, thanh niên nghèo không có cơ hội được hưởng hệ thống giáo dục tốt hơn. Họ cũng có khả năng bị tước mất cơ hội tiếp thu các kỹ năng và phương tiện cần thiết để chuẩn bị cho các tác động của biến đổi khí hậu và thích ứng với các tác động đó.

Cảnh quan đại dương

Châu Đại Dương là khu vực văn hóa vô cùng đa dạng. Ngoài số lượng lớn cư dân bản địa trên đảo, còn có nhiều người di cư An Độ, Trung Quốc và Indonesia. Việc di cư ra khỏi các quần đảo Polynesia nhỏ hơn để tìm kiếm cơ hội làm việc, giáo dục và xã hội tốt hơn đang diễn ra một cách phổ biến. Ví dụ như số người sinh ra tại Niue và Quần đảo Cook sống ở nước ngoài nhiều hơn ở quốc gia nơi họ sinh ra (Hình 2).

Hình 3: Bản đồ Châu Đại Dương với các địa điểm nghiên cứu điển hình được để trong ô



Trước Hội nghị Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu Năm 2015 (COP21), các quốc gia ở Thái Bình Dương đã củng cố cam kết về hành động chuyển đổi năng lượng và các mục tiêu năng lượng bền vững trong phạm vi đóng góp do quốc gia quyết định (NDC). Hành động này nhằm đưa họ đi đầu trong các ứng phó với hiện tượng nóng lên toàn cầu. Việc theo đuổi an ninh năng lượng thông qua năng lượng tái tạo là hợp lý do các tác động của biến đổi khí hậu trong khu vực. 13 trong số 14 Quốc đảo Thái Bình Dương (PIC) đã định lượng mục tiêu năng lượng tái tạo trong NDC của họ (gần 2GW công suất năng lượng tái tạo) do Trung tâm NDC Khu vực Thái Bình Dương hỗ trợ.

Các chiến lược thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu đã trở thành tâm điểm quan trọng của các chính phủ nhằm hướng tới một tương lai cacbon thấp. Ở Thái Bình Dương, nơi các quốc gia đã và đang phải chịu tác động của sự biến đổi khí hậu, một số bên liên quan được coi là nhà lãnh đạo quốc tế, và các bên khác dường như có ít tầm nhìn và tiếng nói hơn. Bài tổng hợp đánh giá này được thực hiện như một đóng góp cho dự án Asia Pacific ClimateScapes, thảo luận về các chủ đề và tranh luận trong các tài liệu gần đây về biến đổi khí hậu và khử cacbon ở Thái Bình Dương. Nó cũng liên quan đến học bổng gần đây về cách giới trẻ và các nhóm yếu thế khác tham gia vào hành động chống biến đổi khí hậu và khử cacbon trong khu vực.

Có một sự chấp nhận rộng rãi rằng các Quốc đảo Thái Bình Dương (PIC) đóng góp ít nhất vào lượng Khí Nhà kính toàn cầu (GHG) nhưng lại bị tác động không cân xứng do tác động của biến đổi khí hậu. Các PIC nằm trong số các quốc gia đầu tiên cảm nhận được tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm cường độ gia tăng và sự xuất hiện của các cơn bão nhiệt đới và lũ lụt, cũng như mực nước biển dâng (Bradbury, 2021). Do các tác động tức thời này, các PIC đã và đang đưa ra các chính sách ở cấp quốc gia và khu vực để hạn chế hiện tượng nóng lên toàn cầu xuống dưới 1,5°C; thấp hơn Thỏa thuận Paris 2°C), và để thích ứng với biến đổi khí hậu.

Dữ liệu nghiên cứu điển hình được tạo ra thông qua phỏng vấn trực tuyến và trực tiếp cũng như đánh giá chi tiết các tài liệu đã xuất bản. Bốn địa điểm ven biển đã được thăm dò. Các địa điểm này bao gồm:

- 1) Cộng hòa Palau
- 2) Aotearoa, New Zealand
- 3) Quần đảo Pitcairn, và
- 4) Tuvalu

Dựa trên những phát hiện từ nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra các khuyến nghị dưới đây để đạt được sự chuyển đổi công bằng sang khử cacbon ở các vùng ven biển:

- Các thuật ngữ có xu hướng thay đổi trong các văn bản chính sách khác nhau. Các tài liệu chính sách quốc gia và khu vực tập trung vào các PIC thì dùng thuật ngữ là LODS, trong khi các chính sách quốc tế sử dụng các thuật ngữ như SIDS và “các nước đang phát triển” để chỉ PIC và khu vực này nói chung.
- Sự thích ứng nổi bật hơn sự giảm thiểu ở hầu hết các PIC, hoặc ta có thể nhìn thấy sự kết hợp của cả hai khi thực hiện các sáng kiến về biến đổi khí hậu.
- Qua các tài liệu chính sách quốc gia có thể thấy được tính cấp thiết, phản ánh tình trạng tác động của biến đổi khí hậu và hiện tượng nóng lên toàn cầu mà các PIC đang gặp phải.
- Các mối quan hệ và kỳ vọng của chủ nghĩa thực dân mới vẫn tồn tại lâu dài. Nhiều chính sách quốc gia và khu vực, cũng như các hiệp định quốc tế nêu bật sự cần thiết cho các “nước phát triển” hỗ trợ “các nước đang phát triển” cùng hướng tới một tương lai cacbon thấp vì các nước đang phát triển được coi là dễ bị tổn thương và cần có sự hợp tác để đạt được những tiến bộ lớn.
- Bất chấp những mối quan hệ lâu dài này, hầu hết các PIC đều hướng tới mục tiêu trở thành những nhà lãnh đạo toàn cầu trong nỗ lực hướng tới một tương lai cacbon thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Có rất ít sự tập trung vào quá trình khử cacbon, thể hiện qua việc thiếu các văn bản về chính sách ở cấp quốc gia và khu vực. Thay vào đó, các PIC đang tập trung vào các chiến lược năng lượng tái tạo và thích ứng với áp lực hiện nay của sự biến đổi khí hậu.
- Vì có sự đa dạng trong khu vực Thái Bình Dương nên có sự đa dạng về chính sách, chiến lược và kế hoạch. Mỗi PIC đều có sự khác nhau về mặt địa lý, dẫn đến mức độ ưu tiên của các sáng kiến và hành động quốc gia cũng khác nhau.

- Hầu hết các tài liệu của khu vực không kể đến giới trẻ với tư cách là bên liên quan hoặc với tư cách là người tham gia vào các cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu, ngay cả khi họ thừa nhận việc giới trẻ và các nhóm khác như phụ nữ bị xem nhẹ. Mặt khác, các văn bản chính sách cấp quốc gia có xu hướng kết hợp giới trẻ và các nhóm yếu thế khác vào chiến lược của họ, thừa nhận sự cần thiết phải tham gia của họ; tuy nhiên có nhiều thứ cần được cập nhật.
- Nhận biết những rủi ro cụ thể, kiến thức, cam kết và quyền của giới trẻ, phụ nữ, người dân tộc bản địa, ngư dân sản xuất nhỏ và các cộng đồng nghèo liên quan từ các khu vực ven biển Thái Bình Dương
- Tạo cơ hội tham gia chính sách thuận lợi cho giới trẻ và các nhóm yếu thế khác, tránh việc tham khảo ý kiến chiếu lệ
- Mở rộng cơ hội và hỗ trợ cho sự đại diện của giới trẻ trong các chính phủ quốc gia, các phái đoàn quốc gia và các tổ chức quốc tế làm việc về biến đổi khí hậu, khử cacbon và chuyển đổi công bằng
- Hỗ trợ đầu tư vào các quỹ có thể tiếp cận được nhằm vào mục tiêu giới trẻ chuyển đổi sang sinh kế bền vững hơn (khử cacbon), chú ý đến dân tộc, vị trí địa lý, đa dạng giới và khả năng
- Thúc đẩy các cách tiếp cận đồng thiết kế ở mức nhiều nhất có thể để thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ và khử cacbon, tích hợp các kiến thức địa phương với các kiến thức khoa học và công nghệ của phương Tây
- Hỗ trợ đầu tư vào các quỹ có thể tiếp cận và cố vấn nhắm vào các hành động vì khí hậu có kể đến giới trẻ để xây dựng năng lực phi thực dân hóa và kết nối nhiều hơn trong khu vực
- Tăng cường nỗ lực giải quyết bất bình đẳng giới trong khu vực
- Đưa xu hướng công bằng về giới và giữa các thế hệ vào tất cả các khía cạnh của việc lập kế hoạch và ứng phó với biến đổi khí hậu bao gồm các chiến lược khử cacbon và chuyển đổi sang năng lượng tái tạo
- Đảm bảo các quy trình cập nhật và thực hiện các Đóng góp do Quốc gia tự Quyết định (NDC) có sự tham gia của các chuyên gia về giới và chuyên gia về thanh niên
- Đảm bảo sự đại diện công bằng của các PIC nhỏ và lớn trong các diễn đàn chính sách khu vực liên quan đến quá trình khử cacbon và chuyển đổi công bằng
- Hợp tác với các phong trào do giới trẻ trong khu vực lãnh đạo để vận động hành lang nhằm có những phản ứng nhanh nhạy hơn đối với quá trình khử cacbon trên toàn thế giới

Cảnh quan sông

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được hình thành từ những trầm tích phù sa từ sông Mekong chảy từ cao nguyên Tây Tạng ở Trung Quốc ra biển Đông, chảy qua sáu quốc gia bao gồm Trung Quốc, Myanmar, CHDCND Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Đồng bằng sông Cửu Long có độ cao trung bình từ 0,5 đến 1,2 m so với mực nước biển, trừ một số vùng đất dọc biên giới Campuchia có địa hình cao đến 12 m. Độ cao của khu vực trung tâm của đồng bằng từ 1,0 đến 1,5m trong khi các khu vực ven biển có độ cao từ 0,3–0,7m (Renaud & Kuenzer, 2012).

Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở vùng cực Nam của Việt Nam, bao gồm 13 tỉnh và thành phố với tổng diện tích tự nhiên khoảng 40.604,7km, đường biên giới với Campuchia dài 330km, bờ biển dài hơn 700km và diện tích lãnh hải 360.000 km². Dân số hiện tại vào khoảng 17,59 triệu người (năm 2015). Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, rừng ngập nước là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Khmer và Chăm. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đặc biệt dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đến cuối thế kỷ 21, mực nước biển vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long sẽ tăng từ 62-82cm (với mức phát thải trung bình) và từ 85-105cm (với mức phát thải cao) (Lee & Truong An, 2018). Nếu mực nước biển dâng 1m, thì khoảng 39% diện tích đồng bằng sông Cửu Long sẽ bị ngập và gần 35% dân số đồng bằng sông Cửu Long sẽ trực tiếp bị ảnh hưởng (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2012). Một số nghiên cứu của các cơ quan nghiên cứu và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy rằng sự biến đổi khí hậu trong những thập kỷ gần đây đã làm tăng nhiệt độ và hạn hán (Lee & Truong An, 2018), tăng lượng mưa (Vu et al., 2018), nước mặn và mực nước biển dâng (Vu et al., 2018). Ngoài ra, nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan đã được ghi nhận.

Với nguồn lao động dồi dào và những lợi thế thuận lợi của thiên nhiên về địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, Đồng bằng sông Cửu Long được coi là vựa lúa, vựa trái cây và thủy sản của cả nước. Tuy nhiên, môi trường ô nhiễm và các tác động khác của biến đổi khí hậu đã và đang gây ra những tác động nặng nề đến Đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với đó, có nhiều vấn đề nội tại phát sinh ở khu vực này như chất lượng tăng trưởng giảm, năng suất lao động thấp, cơ cấu kinh tế không ổn định, chất lượng lao động thấp, nguồn nhân lực hạn chế, v.v đang gây ra những thách thức về kinh tế cho vùng.

Nghiên cứu điển hình thực địa tại Việt Nam bao gồm các hoạt động sau:

- Hội thảo trực tuyến có sự tham gia của các bên liên quan (ngày 19/01/2022)
- Ba nhóm trọng điểm bao gồm các thành viên của tổ chức hoạt động sinh viên CoRe Việt Nam tại Đại học Cần Thơ (23/01/2022); thành viên của Green Rivers Việt Nam, tổ chức phi chính phủ về môi trường có trụ sở tại Cần Thơ (ngày 13/01/2022); và các thành viên của một hợp tác xã nông dân trẻ hữu cơ (11/02/2022)
- Điều tra chi tiết về một dự án nông nghiệp từ đầu đến cuối để tìm hiểu động lực, rào cản và cơ hội cho những người trẻ chuyển đổi nông nghiệp
- 20 cuộc phỏng vấn của những bên liên quan chính với các cán bộ chính quyền địa phương và Đoàn Thanh niên trên khắp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Những phát hiện của chúng tôi hỗ trợ cho các đề xuất sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giới trẻ tham gia với chính quyền địa phương để nâng cao kiến thức và kỹ năng của họ. Việc này bao gồm việc xây dựng mạng lưới, chính sách và hỗ trợ tài chính.
- Hỗ trợ sự phát triển của mạng lưới học tập để cho phép áp dụng chính sách đổi mới ở địa phương, đặc biệt là nơi những người trẻ tuổi tham gia một cách sáng tạo vào các hoạt động giải quyết vấn đề và đã được kết hợp đưa vào trong trường đại học, tổ chức phi chính phủ hoặc các mạng khác.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho giới trẻ tham gia lâu dài với các vấn đề về môi trường để tránh nhiều dự án ngắn hạn có ít tác động lâu dài đến nhận thức, hành vi và cải thiện môi trường. Việc này cần bao gồm sự hỗ trợ tận tình dành cho những người trẻ tuổi để chuyển đổi những ý tưởng của họ thành hành động có ý nghĩa lan tỏa. Những nội dung này có thể bao gồm các kế hoạch của chính quyền địa phương công nhận những người trẻ tuổi là người mang tri thức đúng nghĩa và cho phép họ kết nối với các tác nhân bên ngoài chính phủ để tạo điều kiện trao đổi kiến thức.
- Để thực hiện các nội dung trên, các chính quyền địa phương cũng cần đưa ra hướng dẫn chi tiết hơn về việc thực hiện các chính sách của chính quyền trung ương. Việc này bao gồm vấn đề đưa vào quyền bình đẳng về giới tính và sự góp phần của giới trẻ, nhưng rộng hơn là làm thế nào để đạt được sự chuyển đổi sang một nền kinh tế không làm tăng tổng lượng khí nhà kính thải vào khí quyển (net-zero) mà đảm bảo công bằng về mặt xã hội và môi trường.
- Là một phần của các khuyến nghị ở trên, các câu hỏi về sự công bằng cần phải nổi bật hơn trong các diễn ngôn chính trị và xã hội, mà phần lớn hiện nay còn thiếu. Việc này cũng đòi hỏi phải công nhận các kỹ năng và kiến thức của các tác nhân không phải là các nhà khoa học và các chuyên gia khác, để khai thác tiềm năng của những người trẻ trong việc tạo ra một quá trình chuyển đổi công bằng sang khử cacbon ở Việt Nam.

Kết luận

Để thực hiện có hiệu quả, việc truyền đạt các chủ đề liên quan đến khử cacbon và biến đổi khí hậu cho cộng đồng và giới trẻ cần phải được thực hiện theo cách và ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được. Do công nghệ thông tin đang đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của giới trẻ nên mạng xã hội và những người trẻ có tầm ảnh hưởng cũng là những phần quan trọng trong những cuộc thảo luận về khí hậu. Những người trẻ có tầm ảnh hưởng thiết kế nội dung truyền thông xã hội của họ bằng những từ đơn giản, quen thuộc, sử dụng ngữ cảnh địa phương và đôi khi cả ngôn ngữ địa phương. Để đưa ra một thông điệp hấp dẫn và có thể tiếp cận những người theo dõi, những người có ảnh hưởng rút ra mối liên hệ giữa các vấn đề biến đổi khí hậu và lối sống của giới trẻ. Trong khi các vấn đề về biến đổi khí hậu và sinh thái thu hút sự chú ý của giới trẻ trên mạng, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng giới trẻ ít tham gia vào các cuộc đấu tranh mang tính bản địa hơn.

Nhiều chính sách quốc gia và khu vực liên quan đến biến đổi khí hậu, khử cacbon và đại dương nêu bật sự cần thiết của việc “các nước phát triển” hỗ trợ “các nước đang phát triển” (ví dụ như hầu hết các PIC) trong việc hướng tới một tương lai cacbon thấp. Tuy nhiên, bất kể những mối quan hệ lâu dài này, hầu hết những PIC cũng hướng tới mục tiêu trở thành các nhà lãnh đạo toàn cầu, kêu gọi các quốc gia thải ra cacbon lớn phải giải trình và thực hiện các biện pháp ứng phó thích ứng với biến đổi khí hậu trong khu vực.

Có những căng thẳng đang diễn ra với sự đại diện của PIC. Những căng thẳng này có hệ quả đối với những gì được coi là phù hợp trong bối cảnh biến đổi khí hậu, khử cacbon và chuyển đổi công bằng. Trong khi các thuật ngữ thứ hai được hiểu rõ ở New Zealand thì ở phần lớn các quốc gia, thuật ngữ thứ hai không được sử dụng thường xuyên và trọng tâm là hướng tới sản xuất năng lượng tái tạo và cách tốt nhất để sử dụng và duy trì các nguồn tài nguyên đại dương. Có những thách thức đáng kể đối với sự hợp tác trong khu vực.

Tất cả các nhóm bên liên quan đều phần lớn công nhận các tác động chính của biến đổi khí hậu, đặc biệt là đối với các cộng đồng ven biển và các bang đảo san hô thấp. Các tác động khác nhau của sự biến đổi khí hậu và quá trình chuyển đổi sang khử cacbon liên quan đến giới đang bắt đầu được công nhận, nhưng theo các thuật ngữ tương đối đơn giản mà không bỏ qua sự phức tạp của tính giao thoa. Hầu hết các tài liệu khu vực chưa đưa giới trẻ vào vai trò là bên liên quan hoặc với tư cách là người tham gia vào các cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu và không dứt khoát xử lý những rủi ro cụ thể mà họ có thể phải đối mặt liên quan đến việc duy trì sinh kế và kiến thức của họ. Các văn bản chính sách quốc gia thường quan tâm nhiều hơn đến giới trẻ và các nhóm yếu thế khác, nhưng có thể không để giới trẻ tham gia vào quá trình lập văn bản.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy giới trẻ ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý thức cao về tình trạng nguy cơ cao của môi trường. Ô nhiễm sông, mực nước biển dâng và các vấn đề chung về biến đổi khí hậu là những vấn đề nổi bật trong các cuộc thảo luận của chúng tôi. Có thể thấy rõ nỗi thất vọng về sự thiếu ảnh hưởng của giới trẻ đối với các quá trình ra quyết định của chính phủ và nỗ lực tham gia với các cơ quan chính quyền địa phương thường không thành công.

Những cuộc thảo luận của chúng tôi nhấn mạnh rằng giới trẻ có kiến thức và kỹ năng, sẵn sàng học hỏi và tham gia vào việc thích ứng với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. Họ nhiệt tình lên tiếng và sẵn sàng khiến người khác phải lắng nghe, ví dụ như thông qua các cuộc biểu tình hoặc các hình thức hành động khác nhau (bao gồm các chiến dịch nâng cao nhận thức về tái chế nhựa để có dòng sông sạch hơn hoặc canh tác hữu cơ để giúp chuyển đổi nông nghiệp). Tuy nhiên, những chính quyền địa phương còn thiếu sự quan tâm đúng mức trong việc thu hút các ý tưởng và năng lực của giới trẻ.

Do vậy, các chiến dịch và ý tưởng của giới trẻ thường bị tách biệt khỏi việc hoạch định và thực hiện chính sách, và được hỗ trợ chủ yếu bởi các tổ chức phi chính phủ và trong một số trường hợp là các trường đại học. Các tổ chức phi chính phủ (NGO) thường bị chính quyền địa phương nhìn bằng ánh mắt ngờ vực và một sinh viên mà chúng tôi đã nói chuyện có báo cáo rằng chính quyền địa phương từ chối làm việc với họ bởi lý do là các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các dự án của họ. Trong khi đó, các văn phòng của chính quyền và Đoàn Thanh niên có các hoạt động riêng dành cho thanh niên. Do đó, dường như có sự ngăn cách rõ ràng giữa các dự án do người dân thực hiện và các dự án do chính phủ thực hiện, ít có sự tương tác giữa các dự án hoặc hiếm khi nào các quan chức địa phương dùng tới chính sách của các hoạt động do người dân thực hiện.

Tài liệu tham khảo

ADB. (2021). *Just Transition Beyond the Energy Sector*. ADB Briefs NO 195

Astuti, R. (2021). 'Governing the ungovernable: the politics of disciplining pulpwood and palm oil plantations in Indonesia's tropical peatland'. *Geoforum*, 24, pp. 381-391.

Bradbury, B. (2021). *Climate reality leadership*. In *Conservation Science and Advocacy for a Planet in Peril* (pp. 199-216).

Brundtland, G. (1987). *Report of the World Commission on Environment and Development: Our Common Future*. United Nations General Assembly document A/42/427.

Howson, P. (2017). 'Intimate Exclusions from the REDD+ forests of Sungai Lamandau, Indonesia'. *Conservation and Society*, 15(2), p.125.

Howson, P. and Kindon, S., (2015). 'Analysing access to the local REDD+ benefits of Sungai Lamandau, Central Kalimantan, Indonesia'. *Asia Pacific Viewpoint*, 56(1), pp. 96-110.

IMF. (2021). 'Asia-Pacific, the Gigantic Domino of Climate Change'. *IMF Blog*. Access online: <https://blogs.imf.org/2021/03/25/asia-pacific-the-gigantic-domino-of-climate-change/>

Khan, S. A. R. (2019). 'The nexus between carbon emissions, poverty, economic growth, and logistics operations-empirical evidence from southeast Asian countries'. *Environmental Science and Pollution Research*, 26(13), pp. 13210-13220.

Lee, S., Truong An, D. (2018). 'Spatio-temporal variations in meteorology drought over the Mekong River Delta of Vietnam in the recent decades'. *Paddy and Water Environment*, 17.

Mendelsohn, R., Dinar, A., & Williams, L. (2006). 'The distributional impact of climate change on rich and poor countries'. *Environment and Development Economics*, 11(2), 159-178

Miller, M., Alfajri, A., Astuti, R., Grundy-Warr., C, Middleton., C, Tan, D.Z., Taylor, D. (2021). 'Hydrosocial rupture: causes and consequences for transboundary governance'. *Ecology and Society*, 26(3):21.

Nathaniel, S. P. (2021). *Environmental degradation in ASEAN: Assessing the criticality of natural resources abundance, economic growth and human capital*. Environmental Science and Pollution Research.

Oxfam. (2017). *Towards a more equal Indonesia: How the government can take action to close the gap between the richest and the rest*.

Renaud, F. G., & Kuenzer, C. (2012). *The Mekong Delta System: Interdisciplinary Analyses of a River Delta*. Springer Netherlands.

Vu, D. T., Yamada, T., & Ishidaira, H. (2018). 'Assessing the impact of sea level rise due to climate change on seawater intrusion in Mekong Delta, Vietnam'. *Water Science and Technology: A Journal of the International Association on Water Pollution Research*, 77(5-6), pp. 1632-1639

Wardana, IGAM. (2021). *The Risk of protecting the environment: A Southeast Asian Perspective*. Research Proposal. Max Planck Institute and Humboldt Foundation.

World Bank. (2020). *Enabling private investment in climate adaptation and resilience: Current status barriers to investment and blueprint action*. Washington: World Bank and GFDRR.

Giới thiệu về Viện Hàn lâm

Viện Hàn lâm Anh Quốc là tổ chức độc lập, tự quản, bao gồm gần 1.000 Nhà nghiên cứu ở Vương quốc Anh và 300 Nhà nghiên cứu ở nước ngoài được chọn dựa theo thành tích đặc biệt xuất sắc của họ trong vai trò học giả và nghiên cứu. Các mục tiêu, quyền hạn và khuôn khổ quản lý của Viện Hàn lâm được quy định trong Hiến chương và các văn bản Pháp luật, được Hội đồng Cơ mật phê duyệt. Viện Hàn lâm nhận tài trợ công từ quỹ Nghiên cứu Khoa học được Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng và Công nghiệp của Vương quốc Anh (BEIS) phân bổ. Viện Hàn lâm cũng nhận sự hỗ trợ từ các nguồn tư nhân và các quỹ riêng của mình. Các quan điểm và kết luận được trình bày trong ấn phẩm này không nhất thiết phải được xác nhận bởi từng Nhà nghiên cứu mà được khuyến khích đóng góp ý kiến vào cuộc tranh luận công khai.

Viện Hàn lâm Anh Quốc là viện hàn lâm quốc gia về khoa học xã hội và nhân văn của Vương quốc Anh. Chúng tôi áp dụng các nguyên tắc này để tìm hiểu về thế giới và định hình tương lai tươi sáng hơn.

Từ trí tuệ nhân tạo đến biến đổi khí hậu, từ xây dựng sự thịnh vượng đến nâng cao sức khỏe và hạnh phúc - những thách thức phức tạp ngày nay chỉ có thể được giải quyết bằng cách nâng cao hiểu biết của chúng ta về con người, văn hóa và xã hội.

Chúng tôi đầu tư cho các nhà nghiên cứu và dự án trên khắp Vương quốc Anh và ở nước ngoài, thu hút sự tham gia của cộng đồng bằng những suy nghĩ và tranh luận mới mẻ, đồng thời tập hợp các học giả, chính phủ, doanh nghiệp và xã hội dân sự để tác động đến chính sách vì lợi ích của mọi người.

Viện Hàn lâm Anh Quốc
10-11 Carlton House Terrace
London SW1Y 5AH

Giấy phép thiện nguyện đăng ký số. 233176

thebritishacademy.ac.uk
Twitter: @BritishAcademy_
Facebook: TheBritishAcademy

Xuất bản tháng 2 năm 2023

© Bản quyền thuộc về các tác giả. Đây là ấn phẩm truy cập mở được cấp phép theo Giấy phép Creative Commons Attribution-NonCommercial-NoDerivs 4.0 Unported License

Để trích dẫn báo cáo này: Viện Hàn lâm Anh Quốc (2023), *ClimateScapes ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Khám phá những cơ hội, thách thức và sự đánh đổi đối với chuyển đổi công bằng cho việc khử cacbon*, Viện Hàn lâm Anh Quốc, London

doi.org/10.5871/just-transitions-a-p/P-H-S-K-Vietnamese

Thiết kế bởi Only